**Đề 1:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 45 phút

**A – TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. (3 điểm)**

**Câu 1.** Chọn đáp án đúng (1đ)

**1.** Tế bào ở cơ thể người gồm mấy phần chính :

A. Màng sinh chất, chất tế bào và nhân.

B. Màng sinh chất, chất tế bào và nhân con.

C. Màng sinh chất, chất tế bào, diệp lục và nhân.

D. Màng, diệp lục và nhân.

**2.** Mỗi chu kì co dãn của tim kéo dài bao nhiêu giây?

A. 0,5s B. 0,6s C. 0,7s D. 0,8s

**3.** Máu gồm các thành phần :

A. Hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu. C. Huyết tương và các tế bào máu.

B. Hồng cầu, huyết tương. D. Huyết tương, huyết thanh, hồng cầu.

**4.** Ở người có 4 nhóm máu là :

A. A, B, C, D. C. O, AB, BC, A.

B. AB, A, B, C. D. O, A, B, AB

**Câu 2.** Điền từ thích hợp vào chỗ trống sao cho đúng về cấu tạo của bắp cơ (1đ)

Bắp cơ gồm nhiều (1)..........., mỗi bó gồm rất nhiều (2)........ (tế bào cơ), bọc trong màng liên kết. Hai đầu bắp cơ có (3) ......... bám vào các xương qua khớp, phần giữa (4).............. là bụng cơ.

**Câu 3.** Hãy nối nội dung ở cột A với nội dung ở cột B sao cho đúng về chức năng của các lớp da : (1đ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột A** | **Kết quả** | **Cột B** |
| 1. Mô biểu bì.  2. Mô liên kết.  3. Mô cơ.  4. Mô thần kinh. | 1....  2.....  3.....  4..... | a. Co, dãn.  b. Tiếp nhận kích thích, xử lí thông tin và điều khiển các hoạt động của cơ thể.  c. Bảo vệ, hấp thụ và tiết.  d. Nâng đỡ, liển kết các cơ quan. |

**B. TỰ LUẬN. (7 điểm)**

**Câu 1.** Lấy ví dụ về phản xạ và phân tích cung phản xạ đó (2đ)

**Câu 2.** Nêu cấu tạo của 1 xương dài (1đ)

**Câu 3.** Mô là gì ? (1đ)

**Câu 4.** Khi gặp người bị ngã gãy xương cách tay, thì em cần làm gì để sơ cứu và băng bó cho người đó ? (2đ)

**Câu 5 :**Em hãy giải thích vì sao tim hoạt động suốt đời mà không biết mỏi ? (1đ)

**Đáp án đề kiểm tra giữa học kì 1 Sinh học 8 - Đề 1**

**A – TRẮC NGHIỆM. ( 3 điểm )**

**Câu 1** ( 1 điểm ).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |

**Câu 2.** ( 1 điểm )1 – Bó cơ ; 2 – Sợi cơ ; 3 – Gân ; 4 – Phình to.

**Câu 3.** ( 1 điểm ) 1 – c ; 2 – d ; 3 – a ; 4 – b.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 1.**  (2 điểm) | - Ví dụ về phẩn xạ : Sờ tay vào vật nóng, rụt tay lại.  - Phân tích cung phản xạ : Cơ quan thụ cảm là da báo vật nóng qua nơron hướng tâm về trung ương thần kinh qua nơron trung gian. Trung ương thần kinh chỉ đạo cho nơron li tâm qua nơron trung gian cho cơ quan vận động rụt tay lại. Mọi hoạt động của cơ thể đều là phản xạ. | **0.5**  **1.5** |
| **Câu 2.**  (1 điểm) | Cấu tạo của xương dài gồm :  - Đầu xương có :  + Sụn bọc đầu xương.  + Mô xương xốp gồm các nan xương.  - Thân xương có:  + Màng xương.  + Mô xương cứng.  + Khoang xương. | **0.5**  **0.5** |
| **Câu 3.**  (1 điểm) | Mô là tập hợp các tế bào chuyên hóa, có cấu trúc giống nhau, cung thực hiện một chức năng nhất định. | **1.0** |
| **Câu 4.**  (2 điểm) | Gặp người tai nạn gãy xương cẳng tay, ta sơ cứu và băng bó như sau :  - Sư cứu : Đặt một nẹp gỗ hay tre vào 2 bên chỗ xương gãy, đồng thời lót trong nẹp bằng gạc hay vải sạch gấp dày ở các chỗ đầu xương. Buộc định vị ở 2 chỗ đầu nẹp và 2 bên chỗ xương gãy.  - Băng bó cố định : Dùng băng y tế hoặc băng vải băng cho người bị thương, băng từ trong ra cổ tay. Băng cần quấn chặt và làm dây đeo cẳng tay vào cổ. | **1.0**  **1.0** |
| **Câu 5.**  (1 điểm) | Vì tim co dãn theo chu kỳ. Mỗi chu kỳ gồm 3 pha (0,8 giây): Pha nhĩ co mất 0,1 giây và nghỉ 0,7 giây; pha thất co mất 0,3 giấy và nghỉ 0,5 giây; pha dãn chung mất 0,4 giây. Tim nghỉ ngơi hoàn toàn trong một chu kỳ là 0,4 giây. Vậy trong một chu kỳ, tim vẫn có thời gian nghỉ nên tim hoạt động suốt đời mà không biết mỏi. | **1.0** |

**Đề 2:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 45 phút

**A. Trắc nghiệm (5 điểm)**

***I. Khoanh tròn chữ cái đầu câu có phương án trả lời đúng nhất (1đ)***

**Câu 1:** Cấu trúc cơ lớn nhất là?

A. Bó cơ B. Tơ cơ C. Bắp cơ D. Sợi cơ

**Câu 2:** Hiện tượng cơ làm việc quá sức và kéo dài, biên độ co cơ giảm dần và ngừng hẳn gọi là?

A. Co cơ B. Dãn cơ C. Mỏi cơ D. Tăng thể tích cơ

**Câu 3:** Loại chất khoáng nàocó nhiều nhất trong thành phần của xương?

A. Photpho B. Sắt C. Natri D.Canxi

**Câu 4:** Xương to ra nhờ sự phân chia và hóa xương của tế bào nào?

A. Sụn xương C. Mô xương cứng

B. Màng xương D. Khoang xương

**Câu 5:** Kéo một gàu nước nặng 5kg với độ sâu 8 m. Công cơ sinh ra là?

A. 4 J B. 40 J C. 400 J D. 4000 J

**Câu 6:** Nguyên nhân của mỏi cơ là gì?

A. Do thải ra nhiều khí CO2

B. Do thiếu chất dinh dưỡng

C. Cung cấp thiếu O2, sản phẩm tạo ra là axit lactic đầu độc làm mỏi cơ

D. Cung cấp quá nhiều O2 để oxi hóa chất dimh dưỡng lấy năng lượng

**Câu 7:** Loại khớp nào sau đây thuộc khớp bán động?

A. Khớp giữa các đốt sống. C. Khớp xương sọ.

B. Khớp cổ chân. D. Khớp khuỷu tay.

**Câu 8:** Chức năng của cột sống là?

A. Bảo vệ tim, phổi và các cơ quan ở phía trên khoang bụng.

B. Giúp cơ thể đứng thẳng; gắn với xương sườn và xương ức thành lồng ngực.

C. Giúp cơ thể đứng thẳng và lao động.

D. Bảo đảm cho cơ thể vận động dễ dàng.

**Câu 9:** Máu thuộc loại mô gì?

A. Mô liên kết C. Mô cơ

B. Mô biểu bì D. Mô thần kinh

**Câu 10:** Trong cơ thể người, cơ quan ngăn cách khoang ngực với khoang bụng là?

A. Phổi B. Gan C. Cơ hoành D. Các cơ liên sườn

**Câu 11:** Đặc điểm nào **không** có ở hồng cầu?

A. Hình đĩa C. Hai mặt lõm

B. Chứa huyết sắc tố D. Nhân phân thùy

**Câu 12:** Với chu kỳ tim 0,8s, thời gian hoạt động và nghỉ của tâm thất là?

A. 0,1s và 0,7s C. 0,3s và 0,5s

B. 0,2 s và 0,6s D. 0,4s và 0,4s

**Câu 13:** Chảy máu động mạch có đặc điểm là?

A. Máu chảy chậm. C. Máu chảy ngắt quãng.

B. Máu chảy bắn thành tia D. Máu chảy nhiều.

**Câu 14:** Người có nhóm máu AB có thể truyền cho người có nhóm máu nào dưới đây?

A. Nhóm máu O C. Nhóm máu B

B. Nhóm máu A D. Nhóm máu AB

**Câu 15:** Người có nhóm máu O có thể nhận máu của người có nhóm máu nào dưới đây?

A. Nhóm máu O C. Nhóm máu B

B. Nhóm máu A D. Nhóm máu AB

**Câu 16:** Đối với người bị máu khó đông, khi cần phẫu thuật bác sĩ phải làm gì?

A. Chuẩn bị muối canxi, vitamin K để làm tăng sự đông máu.

B. Tiêm chất sinh tơ máu (fibrinogen).

C. Làm vỡ tiểu cầu để có enzim tác dụng với ion Ca2+.

D. Truyền nhóm máu phù hợp.

***II. Hãy chọn câu ở cột A tương ứng với câu ở cột B rồi điền vào cột trả lời****: (1đ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột A (Bào quan)** | **Cột B (Chức năng)** | **Đáp án** |
| 1. Lưới nội chất | a. Thu nhận, tích trữ, phân phối sản phẩm trong hoạt động sống tế bào | 1 + … |
| 2. Ti thể | b. Nơi tổng hợp protein | 2 + … |
| 3. Riboxom | c. Cấu trúc qui định sự hình thành protein | 3 + … |
| 4. Bộ máy Gongi | d. Vận chuyển các chất trong tế bào | 4 + … |
|  | e. Tham gia hoạt động hô hấp giải phóng năng lượng |  |

**B. Tự Luận: 6 điểm**

**Câu 1** (1 điểm) Nếu gặp người bị ngã gãy xương cánh tay, em sẽ tiến hành các thao tác sơ cứu và băng bó cho người đó như thế nào?

**Câu 2** (1,5 điểm) Phản xạ là gì? Cho ví dụ?

**Câu 3** (2,5 điểm)

a. Em hãy trình bày cấu tạo của tim?

b. Ở một người, tâm thất trái mỗi lần co bóp đẩy đi trung bình 70 ml máu và trong một ngày đêm đẩy đi được 7560 lít máu. Hãy xác định số nhịp đập trung bình của tim người đó trong 1 phút?

**Đáp án đề kiểm tra giữa học kì 1 Sinh học 8 - Đề 2**

**A. Trắc nghiệm (5 điểm)**

**I.** Chọn câu trả lời đúng (4 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | **C** | **C** | **D** | **B** | **B** | **C** | **A** | **B** |
| Câu | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| Đáp án | **A** | **C** | **D** | **C** | **B** | **D** | **A** | **B** |

**II**: (1 điểm)

1 – d, 2 – e, 3 – b, 4 – a

**B. Tự Luận (5 điểm)**

**Câu 1:** Gặp người tai nạn gãy xương cẳng tay, ta sơ cứu và băng bó như sau :

- Sư cứu : Đặt một nẹp gỗ hay tre vào 2 bên chỗ xương gãy, đồng thời lót trong nẹp bằng gạc hay vải sạch gấp dày ở các chỗ đầu xương. Buộc định vị ở 2 chỗ đầu nẹp và 2 bên chỗ xương gãy. (0,5đ)

- Băng bó cố định : Dùng băng y tế hoặc băng vải băng cho người bị thương, băng từ trong ra cổ tay. Băng cần quấn chặt và làm dây đeo cẳng tay vào cổ. (0,5đ)

**Câu 2:**

- Khải niệm phản xạ: Phản xạ là phản ứng của cơ thể để trả lời kích thích của môi trường dưới sự điều khiển của hệ thần kinh. (1,0đ)

- Ví dụ: Khi chạm tay vào bình nước nóng chúng ta sẽ lập tức rụt tay lại. (0,5đ)

**Câu 3:** ( 2,5 điểm)

a. Cấu tạo của tim ( 1,5 điểm)

- Cấu tạo ngoài: Nêu được tim hình chóp, đỉnh quay xuống dưới hơi chếch bên trái, bên ngoài có màng tim và mạch máu nuôi tim. (0,5đ)

- Cấu tạo trong:

+ Nêu được tim 4 ngăn, thành tâm nhĩ mỏng hơn thành tâm thất, thành tâm thất trái dày hơn thành tâm thất phải. (0,5đ)

+ Có 2 loại van tim (van nhĩ – thất và van thất động) có tác dụng cho máu đi theo một chiều nhất định. (0,5 đ)

b. (1 điểm)

- Đổi đơn vị thời gian một ngày đêm thành phút: 24 x 60 = 1440 phút (0,25đ)

- Thể tích máu tâm thất trái co và đẩy được trong một phút là:

7560 : 1440 = 5,25 (lít máu) = 5250 ml (0,5đ)

- Vậy số nhịp co bóp của tim trong 1 phút là:

5250 : 70 = 75 (nhịp/phút) (0,25đ)

**Đề 3:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 45 phút

**Phần I: Trắc nghiệm khách quan:** **(6đ)**

**I/ Chọn  và khoanh tròn vào đầu câu trả lời đúng nhất (5đ):**

**Câu 1:** Chức năng của mô biểu bì:

A. Nâng đỡ liên kết các cơ quan C. Tiếp nhận kích thích, xử lí thông tin

B. Co dãn tạo nên sự vận động D. Bảo vệ, hấp thụ và tiết các chất

**Câu 2:** Bắp cơ gồm nhiều:

A. Tơ cơ B.  Bó cơ C. Sợi cơ D. Tơ cơ mảnh

**Câu 3:** Cấu tạo tế bào gồm:

A. Màng sinh chất, nhân, gôngi C. Màng sinh chất, chất tế  bào, nhân.

B. Màng sinh chất, gôngi, ti thể D. Màng sinh chất, ti thể, nhân

**Câu 4:** Xương dài ra là nhờ:

A. Sự phân chia tế bào ở màng xương

B. Sự phân chia tế bào ở tủy xương

C. Sự phân chia tế bào ở sụn tăng trưởng

D. Sự phân chia tế bào ở mô xương xốp

**Câu 5:** Thời gian mỗi chu kì co giãn của tim kéo dài là:

A.  0,1 giây B.  0,3 giây C.  0,4 giây D.  0,8 giây

**Câu 6:** Chức năng của hồng cầu trong máu:

A. Tham gia vào quá trình đông máu C. Duy trì máu ở trạng thái lỏng

B. Vận chuyển khí oxy và cacbonic D. Vận chuyển chất dinh dưỡng

**Câu 7:** Cơ quan ngăn cách khoang ngực và khoang bụng là:

A. Phổi B. Gan C. Cơ hoành D. Dạ dày

**Câu 8:** Nhóm máu chỉ truyền được cho chính nó là:

A. Nhóm máu AB C. Nhóm máu O

 B. Nhóm máu A D. Nhóm máu B

**Câu 9:** Loại khớp dễ dàng cử động theo mọi hướng là:

A. Khớp bất động C. Khớp bán động

B. Khớp động D. Khớp động và khớp bán động

**Câu 10.** Vận chuyển chất dinh dưỡng và oxy nuôi cơ là chức năng của hệ cơ quan nào sau đây:

A. Hệ vận động C. Hệ tiêu hóa

B. Hệ bài tiết D. Hệ tuần hoàn

**II/ Tìm các từ hay cụm từ dưới đây điền vào chỗ trống cho thích hợp: (1đ)** 

*Tế bào cơ, Cử động, Tự động, Co, Bắp cơ.*

Tính chất của cơ là (1).............................và dãn. Cơ thường bám vào hai xương qua khớp nên khi cơ co làm xương (2).....................................dẫn tới sự vận động của cơ thể. Mỗi (3)..........................gồm nhiều bó cơ, mỗi bó cơ gồm nhiều (4)...................................

**Phần II: Tự luận: (4đ)**

**Câu 1:** **(2,0đ)** Nêu cấu tạo và chức năng của nơ ron?.

**Câu 2:** **(1,0đ)** Nêu những điểm cần chú ý để chống cong vẹo cột sống?

**Câu 3:** **(1,0đ)** Hãy giải thích vì sao xương động vật được hầm (đun sôi lâu) thì bở?

**Đáp án đề kiểm tra giữa học kì 1 Sinh học 8 - Đề 3**

**Phần I: Trắc nghiệm:**

**I/ Chọn và khoanh tròn vào đầu câu trả lời đúng (5đ)**

*Mỗi câu đúng tính 0.5đ*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 20 |
| D | B | C | C | B | B | C | A | B | D |

**II/ Tìm các từ hay cụm từ diền vào chỗ trống cho thích hợp (1đ)**

*Mỗi từ điền đúng tính 0.25đ*

(1) Co

(2) Cử động

(3) Bắp cơ

(4) Tế bào cơ

**Phần II: Tự luận**

**Câu 1** **(2đ):**

- Cấu tạo của nơron (0.5đ):

+ Thân chứa nhân và các sợi nhánh (sợi trắng), tạo chất xám (0.25đ)

+ Sợi trục: tua dài, tạo chất trắng (0.25đ)

- Chức năng của nơron (1.5đ):

+ Cảm ứng: Khả năng tiếp nhận và phản ứng lại các kích thích dưới hình thức phát sinhh các xung thần kinh (0.75đ)

+ Dẫn truyền: Khả năng lan truyền xung thần kinh theo một chiều nhất định trong sợi thần kinh (0.75đ)

**Câu 2 (1đ):**

Những điểm cần chú ý để không cong vẹo cột sống gồm:

- Không mang vác vật nặng quá sức (0.25đ)

- Không mang vác về một bên liên tục trong thời gian quá lâu (0.25đ)

- Giữ tư thế ngay ngắn khi ngồi học tập hay làm việc (0.25đ)

- Hạn chế đi giày cao gót (0.25đ)

**Câu 3 (1đ):**

Xương động vật hầm lâu thì bở vì:

- Chất cốt giao bị phân hủy 🡪 nước hầm xương thường sánh và ngọt (0.5đ)

- Phần xương còn lại là chất vô cơ không được liên kết với chất cốt giao 🡪 xương bở và dễ vỡ vụn

**Đề 4:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 45 phút

*Chọn phương án trả lời đúng nhất.*

**Câu 1:** Vì sao công nhân làm trong các hầm mỏ than có nguy cơ bị mắc bệnh bụi phổi cao?

A. Môi trường làm việc có bụi than, cứ hít vào là sẽ mắc bệnh

B. Môi trường làm việc quá sức nên dễ bị bệnh

C. Hệ bài tiết không bài tiết hết bụi than hít vào

D. Vì hít vào nhiều bụi than, hệ hô hấp không thể lọc sạch hết được

**Câu 2:** Chất độc nào dưới đây có nhiều trong khí thải ô tô và xe máy?

A. Cacbon oxit B. Lưu huỳnh oxit C. Nito oxit D. Bụi

**Câu 3:** Chọn phát biểu không đúng trong các câu sau đây?

A. Dung tích sống là thể tích lớn nhất của lượng không khí mà một cơ thể hít vào và thở ra

B. Luyện tập thể dục, thể thao đúng cách, đều đặn sẽ có dung tích sống lí tưởng

C. Thở sâu và tăng nhịp thở sẽ tăng được hiệu quả hô hấp

D. Khi CO chiếm chỗ O2 trong hồng cầu làm giảm hiệu quả hô hấp

**Câu 4:** Tác nhân nào chiếm chỗ của oxi trong máu (hồng cầu), làm giảm hiệu quả hô hấp, có thể gây chết?

A. Cacbon oxit C. Nito oxit

B. Lưu huỳnh oxit D. Bụi

**Câu 5:** Loại khí nào dưới đây thường gây viêm, sưng lớp niêm mạc, cản trở trao đổi khí và có thể gây chết người khi dùng với liều cao?

A. N2B. O2C. H2D. NO2

**Câu 6:** Chất độc nào dưới đây có nhiều trong khói thuốc lá?

A. Heroin                    B. Cocain                    C. Moocphin               D. Nicotin

**Câu 7:** Vai trò của hồng cầu là?

A. Vận chuyển chất dinh dưỡng đi nuôi cơ thể

B. Vận chuyển O2 và CO2

C. Vận chuyển các chất thải

D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 8:** Môi trường trong cơ thể được tạo thành bởi?

A. Nước mô B. Máu C. Bạch huyết D. Cả ba yếu tố trên

**Câu 9:** Môi trường trong của cơ thể gồm

A. Nước mô, các tế bào máu, kháng thể.

B. Máu, nước mô, bạch huyết

C. Huyết tương, các tế bào máu, kháng thể

D. Máu, nước mô, bạch cầu

**Câu 10:** Nước mô không bao gồm thành phần nào dưới đây?

A. Huyết tương                       B. Hồng cầu                C. Bạch cầu                D. Tiểu cầu

**Câu 11:** Hoạt động hô hấp có vai trò gì?

A. Cung cấp oxi cho tế bào để tổng hợp các chất hữu cơ

B. Thải loại khí cacbonic ra khỏi cơ thể

C. Làm sạch và làm ẩm không khí, bảo vệ phổi khỏi các tác nhân có hại

D. Đảm bảo cho các hoạt động sống trong cơ thể được bình thường

**Câu 12:** Nói sự sống gắn liền với sự thở vì?

A. Mọi hoạt động sống của tế bào và cơ thể đều cần năng lượng

B. Khi ngừng thở mọi hoạt động sống sẽ ngừng, cơ thể sẽ chết

C. Lấy oxi vào để oxi hóa chất dinh dưỡng giải phóng năng lượng cần cho sự sống

D. Thải CO2 và nước sinh ra trong quá trình oxi hóa ở tế bào

**Câu 13:** Quá trình hô hấp bao gồm:

A. Sự thở và sự trao đổi khí ở phổi

B. Sự thở và sự trao đổi khí ở tế bào

C. Sự trao đổi khí ở phổi và sự trao đổi khí ở tế bào

D. Sự thở, sự trao đổi khí ở tế bào và sự trao đổi khí ở phổi.

**Câu 14:** Bộ phận nào dưới đây không thuộc hệ hô hấp?

A. Thanh quản C. Khí quản

B. Thực quản D. Phế quản

**Câu 15:** Cơ quan nào không có ở đường dẫn khí trong hệ hô hấp?

A. Hầu B. Thanh quản C. Phổi D. Sụn nhẫn

**Câu 16:** Khí quản người được tạo thành bởi bao nhiêu vòng sụn khuyết hình chữ C?

A. 20 – 25 vòng sụn C. 10 – 15 vòng sụn

B. 15 – 20 vòng sụn D. 25 – 30 vòng sụn

**Câu 17:** Các cơ quan thuộc đường dẫn khí là

A. Họng B. Thanh quản C. Phế quản D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 18:** Cơ quan nào có lớp niêm mạc tiết chất nhầy, có lớp mao mạch dày đặc?

A. Mũi B. Họng C. Thanh quản D. Phổi

**Câu 19:** Bộ phận nào dưới đây ngoài chức năng hô hấp còn kiêm thêm vai trò khác?

A. Khí quản B. Thanh quản C. Phổi D. Phế quản

**Câu 20:** Cơ quan nào có chứa tuyến amidan và V.A có chứa các tế bào limpo

A. Mũi B. Họng C. Thanh quản D. Phổi

**Câu 21:** Vì sao phổi phải có số lượng phế nang lớn, khoảng 700- 800 triệu phế nang?

A. Nhằm tăng lượng khí hít vào

B. Nhằm tăng diện tích bề mặt trao đổi khí

C. Tăng tính đàn hồi của mô phổi

D. Giúp thở sâu hơn

**Câu 22:** Trong đường dẫn khí của người, khí quản là bộ phận nối liền với

A. Họng và phế quản C. Họng và thanh quản

B. Phế quản và mũi D. Thanh quản và phế quản

**Câu 23:** Trong quá trình hô hấp, con người sử dụng khí gì và loại thải ra khí gì?

A. Sử dụng khí nito và loại thải khí cacbonic

B. Sử dụng khí cacbonic và loại thải khí oxy

C. Sử dụng khí oxy và loại thải khí cacbonic

D. Sử dụng khí oxy và loại thải khí nito

**Câu 24:** Bộ phận nào của đường hô hấp có vai trò chủ yếu là bảo vệ, diệt trừ các tác nhân gây hại?

A. Phế quản B. Khí quản C. Thanh quản D. Họng

**Câu 25:** Cơ thể người có khoảng bao nhiêu phế nang?

A. 500 - 600 triệu phế nang C. 700 - 800 triệu phế nang

B. 600 - 700 triệu phế nang D. 800 - 900 triệu phế nang

**Câu 26:** Loại sụn nào có chức năng đậy kín đường hô hấp khi nuốt thức ăn làm ngăn chặn thức ăn chui vào đường hô hấp?

A. Sụn nhẫn C. Sụn giáp trạng

B. Sụn thanh thiệt D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 27:** Lớp màng ngoài phổi còn có tên gọi khác là?

A. Lá thành B. Lá tạng C. Phế nang D. Phế quản

**Câu 28:** Không khí được sưởi ấm tại thành mũi là nhờ

A. Có lưới mao mạch dày đặc C. Trong mũi có nhiều lông mũi

B. Cánh mũi rộng và dày D. Có lớp niêm mạc tiết ra các chất nhầy

**Câu 29:** Đường dẫn khí có chức năng gì?

A. Thực hiện trao đổi khí giữa cơ thể và môi trường

B. Trao đổi khí ở phổi và tế bào

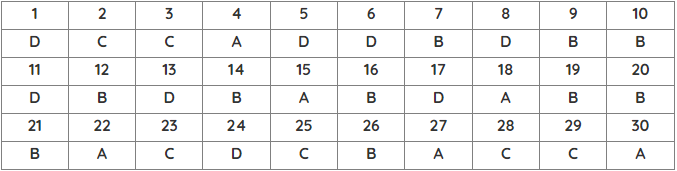
C. Dẫn khí, làm ấm, làm ẩm không khí và bảo vệ phổi

D. Bảo vệ hệ hô hấp

**Câu 30:** Đơn vị cấu tạo của phổi là

A. Phế nang B. Phế quản C. 2 lá phổi D. Đường dẫn khí

**Đáp án đề kiểm tra giữa học kì 1 Sinh học 8 - Đề 4**



**Đề 5:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 45 phút

*Chọn phương án trả lời đúng nhất.*

**Câu 1:** Máu bao gồm?

A. Hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu C. Bạch cầu và hồng cầu

B. Huyết tương và các tế bào máu D. Hồng cầu và tiểu cầu

**Câu 2:** Huyết tương không bao gồm thành phần nào dưới đây?

A. Nước B. Muối khoáng C. Bạch cầu                D. Kháng thể

**Câu 3:** Thành phần chiếm 45% thể tích của máu là?

A. Huyết tương B. Các tế bào máu C. Hồng cầu D. Bạch cầu

**Câu 4:** Thành phần của máu có đặc điểm màu vàng, lỏng là?

A. Hồng cầu B. Bạch cầu C. Huyết tương D. Tiểu cầu

**Câu 5:** Đặc điểm nào dưới đây không có ở hồng cầu người?

A. Tham gia vào chức năng vận chuyển khí C. Màu đỏ hồng

B. Nhiều nhân, nhân nhỏ và nằm phân tán D. Hình đĩa, lõm hai mặt

**Câu 6:** Loại tế bào máu có đặc điểm trong suốt, kích thước khá lớn, có nhân là?

A. Hồng cầu B. Bạch cầu C. Tiểu cầu D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 7:** Điền từ phù hợp vào chỗ trống: … là nơi vận chuyển, đồng thời là môi trường chuyển hóa của các quá trình trao đổi chất.

A. Huyết tương B. Hồng cầu C. Bạch cầu D. Tiểu cầu

**Câu 8:** Vai trò của hồng cầu là?

A. Vận chuyển chất dinh dưỡng đi nuôi cơ thể

B. Vận chuyển O2 và CO2

C. Vận chuyển các chất thải

D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 9:** Môi trường trong cơ thể được tạo thành bởi?

A. Nước mô C. Bạch huyết

B. Máu D. Cả ba yếu tố trên

**Câu 10:** Môi trường trong của cơ thể gồm?

A. Nước mô, các tế bào máu, kháng thể

B. Máu, nước mô, bạch huyết

C. Huyết tương, các tế bào máu, kháng thể

D. Máu, nước mô, bạch cầu

**Câu 11:** Nước mô không bao gồm thành phần nào dưới đây?

A. Huyết tương B. Hồng cầu                C. Bạch cầu               D. Tiểu cầu

**Câu 12:** Ở Việt Nam, số lượng hồng cầu trung bình của nam giới là?

A. 4,4 – 4,6 triệu/ml máu C. 5,4 – 5,6 triệu/ml máu

B. 3,9 – 4,1 triệu/ml máu D. 4,8 – 5 triệu/ml máu

**Câu 13:** Trong cơ thể. tế bào nằm chìm ngập trong loại dịch nào?

A. Nước mô B. Máu C. Dịch bạch huyết D. Dịch nhân

**Câu 14:** Khả năng vận chuyển khí của hồng cầu có được là nhờ loại sắc tố nào?

A. Hemoerythrin C. Hemoglobin

B. Hemoxianin D. Mioglobin

**Câu 15:** Chúng ta sẽ bị mất nhiều nước trong trường hợp nào sau đây?

A. Tiêu chảy C. Sốt cao

B. Lao động nặng D. Tất cả các ý trên

**Câu 16:** Bộ xương người và bộ xương thú khác nhau ở đặc điểm nào sau đây?

A. Số lượng xương ức C. Sự phân chia các khoang thân

B. Hướng phát triển của lồng ngực D. Sự sắp xếp các bộ phận trên cơ thể

**Câu 17:** Bàn chân hình vòm ở người có ý nghĩa thích nghi như thế nào?

A. Làm giảm tác động lực, tránh được các sang chấn cơ học lên chi trên khi di chuyển.

B. Hạn chế tối đa sự tiếp xúc của bề mặt bàn chân vào đất bởi đây là nơi tập trung nhiều đầu mút thần kinh, có tính nhạy cảm cao.

C. Phân tán lực và tăng cường độ bám vào giá thể/ mặt đất khi di chuyển, giúp con người có những bước đi vững chãi, chắc chắn.

D. Tất cả các phương án đưa ra.

**Câu 18:** Cơ mặt phân hóa giúp con người…

A. Biểu hiện tình cảm C. Thích nghi với lao động

B. Có tiếng nói D. Không có đáp án nào đúng

**Câu 19:** Các yếu tố ảnh hưởng đến xương

A. Ngồi học sai tư thế C. Thể dục thể thao không đúng kĩ thuật

B. Lao động quá sức D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 20:** Sự khác biệt trong hình thái, cấu tạo của bộ xương người và bộ xương thú chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây?

A. Tư thế đứng thẳng và quá trình lao động

B. Sống trên mặt đất và cấu tạo của bộ não

C. Tư thế đứng thẳng và cấu tạo của bộ não

D. Sống trên mặt đất và quá trình lao động

**Câu 21:** Vì sao xương đùi của con người lại phát triển hơn so với phần xương tương ứng của thú?

A. Vì con người cường độ hoạt động mạnh hơn các loài thú khác nên kích thước các xương chi (bao gồm cả xương đùi) phát triển hơn.

B. Vì con người có tư thế đứng thẳng nên trọng lượng phần trên cơ thể tập trung dồn vào hai chân sau và xương đùi phát triển để tăng khả năng chống đỡ cơ học.

C. Vì xương đùi ở người nằm ở phần dưới cơ thể nên theo chiều trọng lực, chất dinh dưỡng và canxi tập trung tại đây nhiều hơn, khiến chúng phát triển lớn hơn so với thú.

D. Tất cả các phương án đưa ra.

**Câu 22:** Để cơ và xương phát triển cân đối, chúng ta cần lưu ý điều gì?

A. Khi đi, đứng hay ngồi học/làm việc cần giữ đúng tư thế, tránh cong vẹo cột sống

B. Lao động vừa sức

C. Rèn luyện thân thể thường xuyên

D. Tất cả các phương án còn lại

**Câu 23:** Đặc điểm nào dưới đây chỉ có ở con người?

A. Xương lồng ngực phát triển theo hướng lưng – bụng

B. Lồi cằm xương mặt phát triển

C. Xương cột sống hình vòm

D. Cơ mông tiêu giảm

**Câu 24:** Cơ vận động lưỡi của con người phát triển hơn các loài thú là do chúng ta có khả năng gì?

A. Nuốt B. Viết C. Nóí D. Nhai

**Câu 25:** Sự tiến hóa của bộ xương người so với bộ xương thú thể hiện chủ yếu ở những điểm nào?

A. Sự phân hóa giữa chi trên và chi dưới

B. Cột sống và lồng ngực

C. Hộp sọ và cách đính hộp sọ vào cột sống

D. Cả ba đáp án trên

**Câu 26:** Tật cong vẹo cột sống do nguyên nhân chủ yếu nào?

A. Ngồi học không đúng tư thế C. Thức ăn thiếu canxi

B. Đi giày, guốc cao gót D. Thức ăn thiếu vitamin A, C, D

**Câu 27:** Để chống vẹo cột sống, cần phải làm gì?

A. Khi ngồi phải ngay ngắn, không nghiêng vẹo

B. Mang vác về một bên liên tục

C. Mang vác quá sức chịu đựng

D. Cả ba đáp án trên

**Câu 28:** Chức năng của mô biểu bì:

A. Nâng đỡ liên kết các cơ quan C. Tiếp nhận kích thích, xử lí thông tin

B. Co dãn tạo nên sự vận động D. Bảo vệ, hấp thụ và tiết các chất

**Câu 29:** Khi nói về cơ chế co cơ, nhận định nào sau đây là đúng?

A. Khi cơ co, tơ cơ dày xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ mảnh làm cho tế bào cơ ngắn lại.

B. Khi cơ co, tơ cơ dày xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ mảnh làm cho tế bào cơ dài ra.

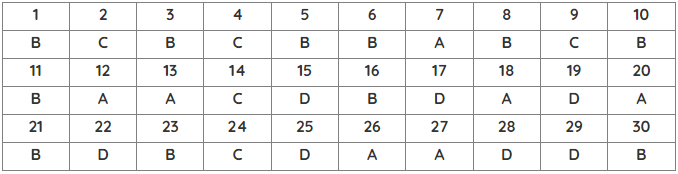
C. Khi cơ co, tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm cho tế bào cơ dài ra.

D. Khi cơ co, tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm cho tế bào cơ ngắn lại.

**Câu 30:** Cơ thể người có khoảng bao nhiêu cơ?

A. 400 cơ B. 600 cơ C. 800 cơ D. 500 cơ

**Đáp án đề kiểm tra giữa học kì 1 Sinh học 8 - Đề 5**



**Đề 6:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 45 phút

**I. Phần Trắc Nghiệm (4 điểm)**

Chọn phương án trả lời đúng nhất.

**Câu 1:** Thành phần của máu gồm?

A. nước mô và các tế bào máu C. huyết tương và bạch huyết

B. nước mô và bạch huyết D. huyết tương và các tế bào máu

**Câu 2:** Các chất hữu cơ cấu tạo nên tế bào gồm?

A. Protein, gluxit, lipit, Axit nucleic

B. Protein, lipit, muối khoáng, Axit nucleic

C. Protein, lipit, nước, muối khoáng, Axit nucleic

D. Protein, gluxit, muối khoáng, Axit nucleic

**Câu 3:** Thành động mạch được cấu tạo bởi?

A. 1 lớp tế bào C. 3 lớp tế bào

B. 2 lớp tế bào D. 4 lớp tế bào

**Câu 4**: Dùng vắcxin tiêm vào cơ thể người khỏe gây miển dịch. Đó là miễn dịch gì?

A. Bẩm sinh B. Tập nhiễm C. Tự nhiên D. Nhân tạo

**Câu 5:** Trong cơ thể có các loại mô chính?

A. Mô cơ, mô mỡ, mô liên kết, mô thần kinh

B. Mô cơ, mô mỡ, mô liên kết, mô xương

C. Mô cơ, mô liên kết, mô thần kinh, mô biểu bì

D. mô cơ, mô liên kết, mô thần kinh, mô xương

**Câu 6:** Những người bị tai nạn gãy xươngđược băng bột một thời gian xương liền lại được là nhờ?

A. Sự phân chia của tế bào màng  xương

B. Sự phân chia của tế bào mô xương cứng

C. Sự phân chia của tế bào khoang xương

D. Sự phân chia của tế bào sụn tăng trưởng

**Câu 7:** Nguyên nhân của bệnh loãng xương  ở người già (xương xốp, giòn, dễ gãy) là do?

A. Quá trình xương được tạo thành nhanh hơn bị phá hủy

B. Tỉ lệ cốt giao giảm đi rõ rệt

C. Tỉ lệ cốt giao tăng lên

D. Tỉ lệ sụn tăng lên

**Câu 8:** Ngăn tim có thành cơ mỏng nhất là?

A. Tâm nhĩ phải C. Tâm nhĩ trái

B. Tâm thất phải D. Tâm thất trái

**Câu 9:** Thành phần nào của xương là cơ quan sinh máu?

A. Màng  xương C. Tủy xương đỏ

B. Mô xương cứng D. Tủy xương vàng

**Câu 10:** Nguyên nhân chủ yếu của sự mỏi cơ là?

A. Lượng nhiệt sinh ra nhiều

B. Do dinh dưỡng thiếu hụt

C. Do lượng CO2 quá cao

D. Lượng O2 trong máu thiếu nên tích tụ axit lactic trong cơ

**Câu 11:**Một cung phản xạ, xung thần kinh bắt đầu xuất hiện từ đâu?

A.Nơron cảm giác C. Nơron vận động

B.Cơ quan thụ cảm D.Nơron trung gian

**Câu 12:**Một bác sĩ A có máu  nhóm O vợ bác sĩ có nhóm máu A. Một bệnh nhân cần phải truyền máu gấp, khi thử máu để truyền với vợ bác sĩ thì bị kết dính, với máu bác sĩ thì không bị kết dính. Bệnh nhân đó có nhóm máu gì?

A. Nhóm máu O hoặc A C. Nhóm máu O hoặc B

B. Nhóm máu B hoặc AB D. Nhóm máu O hoặc AB

**II. Phần Tự luận ( 6 điểm)**

**Câu 1**: Máu thuộc loại mô gì? Vì sao máu được xếp vào loại mô đó?

**Câu 2**: Phân biệt nguyên nhân của hiện tượng đông máu trong hai trường hợp sau:

- Do máu chảy

- Do truyền máu không đúng nhóm máu.

**Câu 3**: Khi khám bệnh cho bệnh nhân, bác sĩ kết luận huyết áp  120mmHg/80mmHg (huyết áp tốt). Em cho biết chỉ số trên liên quan đến những khái niệm nào đã học, phát biểu khái niệm? Cần phải làm gì để phòng tránh bệnh cao  huyết áp?

**Đáp án đề kiểm tra giữa học kì 1 Sinh học 8 - Đề 6**

**I. Phần Trắc Nghiệm (4 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| D | A | C | D | C | A | B | A | C | D | B | C |

**II. Tự luận (6 điểm)**

**Câu 1:**

- Máu được xếp vào mô liên kết (thuộc loại mô liên kết lỏng) vì máu gồm huyết tương là dịch lỏng và các tế bào máu. Huyết tương của máu là chất nền (chất gian bào). Các tế bào máu được tạo ra từ các tế bào gốc trong tuỷ xương.

**Câu 2:**

- Nguyên nhân của đông máu do máu chảy: do các sợi tơ máu (fibrin) hình thành khi chảy máu tạo thành một mạng lưới giữ các tế bào máu lại tạo thành cục máu đông.

- Nguyên nhân truyền máu không đúng nhóm máu: là do chất gây ngưng có trong huyết tương người nhận kết hợp với chất bị kết ngưng có trong hồng cầu người cho làm hồng cầu bị dính lại.

**Câu 3**

\* Chỉ số huyết áp 120mmHg/80mmHg liên quan đến các khái niệm huyết áp, huyết áp tối đa, huyết áp tối thiểu. Mỗi khái niệm đúng.

- Huyết áp: Là áp lực của  máu lên thành mạch

- Huyết áp tối thiểu (80 mmHg): Khi tâm thất dãn

- Huyết áp tối đa (120mmHg): Khi tâm thất co

\* Biện pháp phòng tránh bệnh cao huyết áp.

- Hạn chế ăn mặn (NaCl), chất béo (nhất là mỡ ĐV), không uống rượu, hút thuốc lá và dùng các chất kích thích.

- Tránh làm việc căng thẳng, lao động quá sức hoặc xúc động mạnh, lo lắng, buồn phiền.

**Đề 7:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 45 phút

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**Câu 1** (1,5 điểm): Khoanh tròn phương án trả lời đúng

**1.** Vai trò của hồng cầu là:

A. Vận chuyển các chất dinh dưỡng đi nuôi cơ thể

B. Vận chuyển O2 và CO2

C. Vận chuyển các chất thải

D. Cả A, B, C

**2.** Các bạch cầu tham gia bảo vệ cơ thể bằng cách nào?

A. Thực bào.

B. Tiết kháng thể vô hiệu hóa kháng nguyên

C. Phá hủy tế bào bị nhiễm virut, vi khuẩn.

D. Gồm cả A, B, C

**3.** Loại khoáng chất chủ yếu có trong xương là:

A. Natri B. Photpho C. Canxi D. Kali

**4.** Xương có tính chất đàn hồi, rắn chắc vì?

A. Xương có chất hữu cơ C. Cả A và B đúng

B. Xương có cấu trúc hình ống D. A và B sai

**5.** Thành phần cấu tạo của máu gồm:

A. Huyết tương

B. Hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu

C. Nước mô

D. Ý A và B

**6.** Cấu tạo tế bào gồm:

a. Màng sinh chất, chất tế bào, bộ máy Gôngi

b. Màng sinh chất, chất tế bào, nhân

c. Chất tế bào, ribôxôm, nhân

d. Chất tế bào, màng sinh chất, lưới nội chất, trung thể

**Câu 2** (1,5 điểm): Chọn các cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong các câu sau:

" Sự đông máu liên quan đến hoạt động của (1)..... là chủ yếu để hình thành (2)...... ôm giữ các  (3)...... tạo thành một khối máu đông bịt kín vết thương"

**II Tự luận (7 điểm)**

**Câu 1** (3 điểm): Ở người có những nhóm máu nào? Vì sao khi truyền máu lại phải thử máu?

**Câu 2** (2 điểm): Những đặc điểm nào của bộ xương người phù hợp với dáng đứng thẳng và lao động.

**Câu 3** (2 điểm): Miễn dịch là gì? Có mấy loại? Cho ví dụ.

**Đáp án đề kiểm tra giữa học kì 1 Sinh học 8 - Đề 7**

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**Câu 1:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| B | D | C | A | D | B |

**Câu 2.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) |
| Tiểu cầu | Sợi tơ máu | Tế bào máu |

**II Tự luận (7 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** |
| **1** |  |
|  | \* Máu gồm những thành phần:  - Huyết tương: lỏng, trong suốt, màu vàng chiếm 55% thể tích  - TB máu:  Chiếm 45% thể tích, đặc quánh màu đỏ thẫm . Gồm : Bạch cầu, hồng cầu, tiểu cầu.  \* Khi truyền máu cần phải xét nghiệm trước để lựa chon loại máu truyền cho phù hợp, tránh tai biến (hồng cầu của người cho bị kết dính trong huyết tương của người nhận gây tắc mạch) và tránh bị nhận máu nhiễm các tác nhân gây bệnh.  \* Chức năng của huyết tương:  - Duy trì máu ở trạng thái lỏng để lưu thông dễ dàng trong mạch  - Tham gia vận chuyển các chất  dinh dưỡng, các chất cần thiết khác và các chất thải  \* Chức năng của hồng cầu: Vận chuyển O2 và CO2 |
| **2** |  |
|  | - Phản xạ là phản ứng của cơ thể trả lời các kích thích của môi trường dưới sự điều khiển của hệ thần kinh  - Một cung phản xạ gồm 5 yếu tố: cơ quan thụ cảm, nơron hướng tâm, nơron trung gian, nơron li tâm và cơ quan phản ứng. |
| **3** |  |
|  | - Những đặc điểm tiến hóa của hệ cơ người:  + Tay có nhiều cơ phân hóa thành nhóm nhỏ phụ trách các phần khác nhau giúp tay cử động linh hoạt hơn chân, thực hiện nhiều động tác lao động phức tạp. Cơ chân lớn, khỏe, cử động chân chủ yếu là gấp, duỗi.  + Ở người có tiếng nói phong phú nên cơ vận động lưỡi phát triển.  + Cơ mặt phân hóa giúp người biểu lộ tình cảm. |

**Đề 8:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 45 phút

**I.  TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 điểm)**

**Câu 1.** Chọn đáp án đúng (1đ)

**1.**Tế bào ở cơ thể người gồm mấy phần chính:

A. Màng sinh chất, chất TB và nhân.

B. Màng sinh chất, chất tế bào và nhân con.

C. Màng sinh chất, chất tế bào, diệp lục và nhân.

D. Màng, diệp lục và nhân.

**2.** Mỗi chu kì co dãn của tim kéo dài bao nhiêu giây?

A. 0,5s B. 0,6s C. 0,7s D. 0,8s

**3.** Máu gồm các thành phần:

A. Hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu C. Huyết tương và các tế bào máu

B. Hồng cầu, huyết tương D. Huyết tương, huyết thanh, hồng cầu

**4.** Ở người có 4 nhóm máu là:

A. A, B, C, D C. O, AB, BC, A

B. AB, A, B, C D. O, A, B, AB

**Câu 2.** Điền từ thích hợp vào chỗ trống sao cho đúng về cấu tạo của bắp cơ (1đ)

Bắp cơ gồm nhiều (1)..........., mỗi bó gồm rất nhiều (2)........ (tế bào cơ ), bọc trong màng liên kết. Hai đầu bắp cơ có (3) ......... bám vào các xương qua khớp, phần giữa (4).............. là bụng cơ.

**Câu 3.** Hãy nối nội dung ở cột A với nội dung ở cột B sao cho đúng về chức năng của các lớp da:(1đ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột A** | **Kết quả** | **Cột B** |
| 1. Mô biểu bì.  2. Mô liên kết.  3. Mô cơ.  4. Mô thần kinh. | 1....  2.....  3.....  4..... | a. Co, dãn.  b. Tiếp nhận kích thích, xử lí thông tin và điều khiển các hoạt động của cơ thể.  c. Bảo vệ, hấp thụ và tiết.  d. Nâng đỡ, liển kết các cơ quan. |

**B. TỰ LUẬN (7 điểm)**

**Câu 1.** Lấy ví dụ về phản xạ và phân tích cung phản xạ đó. (2đ)

**Câu 2.** Mô là gì? (1đ)

**Câu 3.** Khi gặp người bị ngã gãy xương cách tay, thì em cần làm gì để sơ cứu và băng bó cho người đó? (2đ)

**Câu 4.** Em hãy giải thích vì sao tim hoạt động suốt đời mà không biết mỏi? (1đ)

**Câu 5.** Nêu cấu tạo của 1 xương dài (1đ)

**Câu 6.** Nêu cấu tạo của tim (1đ)

**Đáp án đề kiểm tra giữa học kì 1 Sinh học 8 - Đề 8**

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 điểm)**

**Câu 1.** (1 điểm).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| A | B | B | D |

**Câu 2.** (1 điểm) 1 – Bó cơ, 2 – Sợi cơ, 3 – Gân, 4 – Phình to.

**Câu 3.** (1 điểm) 1 – c , 2 – d, 3 – a, 4 – b.

**B. TỰ LUẬN. (7 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1**              **Câu 2**      **Câu 3**              **Câu 4**            **Câu 5**                  **Câu 6** | - Ví dụ về phẩn xạ: Sờ tay vào vật nóng, rụt tay lại.  - Phân tích cung phản xạ: Cơ quan thụ cảm là da báo vật nóng qua nơron hướng tâm về trung ương thần kinh qua nơron trung gian. Trung ương thần kinh chỉ đạo cho nơron li tâm qua nơron trung gian cho cơ quan vận động rụt tay lại. Mọi hoạt động của cơ thể đều là phản xạ.    - Mô là tập hợp các tế bào chuyên hóa, có cấu trúc giống nhau, cung thực hiện một chức năng nhất định.    - Gặp người tai nạn gãy xương cẳng tay, ta sơ cứu và băng bó như sau:  + Sơ cứu: Đặt một nẹp gỗ hay tre vào 2 bên chỗ xương gãy, đồng thời lót trong nẹp bằng gạc hay vải sạch gấp dày ở các chỗ đầu xương. Buộc định vị ở 2 chỗ đầu nẹp và 2 bên chỗ xương gãy.  + Băng bó cố định: Dùng băng y tế hoặc băng vải băng cho người bị thương, băng từ trong ra cổ tay. Băng cần quất chặt và làm dây đeo cẳng tay vào cổ.    Vì tim co dãn theo chu kỳ. Mỗi chu kỳ gồm 3 pha (0,8 giây): Pha nhĩ co mất 0,1 giây và nghỉ 0,7 giây; pha thất co mất 0,3 giấy và nghỉ 0,5 giây; pha dãn chung mất 0,4 giây. Tim nghỉ ngơi hoàn toàn trong một chu kỳ là 0,4 giây. Vậy trong một chu kỳ, tim vẫn có thời gian nghỉ nên tim hoạt động suốt đời mà không biết mỏi.    Cấu tạo của xương dài gồm:  - Đầu xương có:  + Sụn bọc đàu xương.  + Mô xương xốp gồm các nan xương.  - Thân xương có:  + Màng xương.  + Mô xương cứng.  + Khoang xương.    - Cấu tạo ngoài:  + Màng tim bao bọc bên ngoài tim.  + Tâm thất lớn làm thành phần đỉnh tim.  - Cấu tạo trong:  + Tim 4 ngăn, 2 tâm nhĩ, 2 tâm thất.  + Thành cơ tâm thất dày hơn thành tâm nhĩ (thành tâm thất trái dày nhất).  + Giữa tâm nhĩ với tâm thất và giữa tâm thất với động mạch có van giúp cho máu lưu thông theo một chiều. |

**Đề 9:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 45 phút

Chọn phương án trả lời đúng nhất.

**1.** Động mạch có cấu tạo: "mạch nhỏ, có số lượng cơ trơn nhiều hơn sợi đàn hồi, nên có tính co rút" phù hợp với chức năng nào?

A. Giúp mạch chịu được áp lực của máu khi tim co bóp.

B. Dẫn máu từ các tế bào của cơ thể về tim với vận tốc nhỏ và áp lực thấp.

C. Dẫn máu từ tim đến các cơ quan với vận tốc cao, áp lực lớn.

D. Giúp điều hòa lượng máu đến từng cơ quan.

**2.** Trong chu kì tim, van nhĩ - thất đóng lại ở pha nào?

A. Co tâm nhĩ và dãn chung C. Dãn chung

B. Co tâm thất D. Co tâm nhĩ

**3.** Máu được đẩy vào động mạch ở pha nào?

A. Dãn tâm nhĩ C. Dãn tâm thất

B. Co tâm nhĩ D. Co tâm thất

**4.** Đặc điểm cấu tạo: thành dày, có 3 lớp, lớp cơ và sợi đàn hồi dày, co dãn tốt của động mạch phù hợp với chức năng nào?

A. Dẫn máu từ các tế bào của cơ thể về tim với vận tốc nhỏ và áp lực thấp.

B. Dẫn máu từ tim đến các cơ quan với vận tốc cao, áp lực lớn.

C. Giúp mạch chịu được áp lực của máu khi tim co bóp.

D. Giúp điều hòa lượng máu đến từng cơ quan.

**5.** Chức năng trao đổi chất dinh dưỡng và O2 được thực hiện ở đâu?

A. Tĩnh mạch B. Phổi C. Động mạch D. Mao mạch

**6.** Thời gian của một chu kì tim là

A. 1 phút B. 0,6 giây C. 0,7 giây D. 0,8 giây

**7.** Tế bào máu có khả năng thực bào là:

A. Hồng cầu và bạch cầu trung tính.

B. Hồng cầu và tiểu cầu.

C. Bạch cầu trung tính và bạch cầu đơn nhân.

D. Bạch cầu đơn nhân và tiểu cầu.

**8.** Cấu tạo thành tĩnh mạch với 3 lớp, lớp cơ và sợi đàn hồi mỏng phù hợp với chức năng nào?

A. Giúp máu vận chuyển từ cơ quan phía dưới về tim được dễ dàng.

B. Thực hiện trao đổi khí và trao đổi chất một cách dễ dàng.

C. Giúp mạch chịu được áp lực của máu khi tim co bóp.

D. Dẫn máu từ các tế bào của cơ thể về tim với vận tốc và áp lực nhỏ.

**9.** Máu di chuyển chậm nhất trong?

A. Tĩnh mạch C. Mao mạch

B. Động mạch D. Động mạch và tĩnh mạch

**10.** Động mạch có cấu tạo: "mạch lớn hoặc mạch có đường kính trung bình, có số lượng sợi đàn hồi nhiều hơn sợi cơ trơn" phù hợp với chức năng nào?

A. Giúp điều hòa lượng máu đến từng cơ quan.

B. Giúp mạch chịu được áp lực của máu khi tim co bóp.

C. Dẫn máu từ các tế bào của cơ thể về tim với vận tốc nhỏ và áp lực thấp.

D. Dẫn máu từ tim đến các cơ quan với vận tốc cao, áp lực lớn.

**11.** Lực đẩy chủ yếu giúp máu vận chuyển trong động mạch là?

A. Sự co dãn của động mạch và sự co bóp của tim.

B. Sức hút của lồng ngực khi hít vào và sức đẩy của tĩnh mạch.

C. Sức hút của lồng ngực khi hít vào.

D. Sự co bóp của tim và sức đẩy của tĩnh mạch.

**12.** Đặc điểm cấu tạo nào sau đây không phải của động mạch?

A. Mạch nhỏ, có số lượng cơ trơn nhiều hơn sợi đàn hồi nên có tính co rút.

B. Thành dày, có 3 lớp, lớp cơ và sợi đàn hồi dày nên co dãn tốt.

C. Thành mạch có 3 lớp, lớp cơ và sợi đàn hồi mỏng.

D. Mạch lớn hoặc mạch có đường kính trung bình, có số lượng sợi đàn hồi nhiều hơn sợi cơ trơn.

**13.** Mạch mang máu giàu ôxi rời khỏi tim là?

A. Động mạch chủ C. Tĩnh mạch chủ

B. Tĩnh mạch phổi D. Động mạch phổi

**14.** Trong hệ thống tuần hoàn máu loại mạch quan trong nhất là?

A. Mạch bạch huyết C. Tĩnh mạch

B. Mao mạch D. Động mạch

**15.** Thành phần của máu gồm?

A. Nước mô và bạch huyết C. Huyết tương và các tế bào máu

B. Huyết tương và bạch huyết D. Nước mô và các tế bào máu

**16.** Môi trường trong của cơ thể gồm?

A. Nước mô, các tế bào máu và kháng thể

B. Máu, nước mô và bạch huyết

C. Máu, nước mô và bạch cầu

D. Huyết tương, các tế bào máu và kháng thể

**17.** Cấu tạo của mao mạch phù hợp với chức năng nào?

A. Giúp máu vận chuyển từ cơ quan phía dưới về tim được dễ dàng.

B. Thực hiện sự trao đổi chất và trao đổi khí một cách dễ dàng.

C. Giúp điều hòa lượng máu đến từng cơ quan.

D. Dẫn máu từ tim đến các cơ quan với vận tốc cao, áp lực lớn.

**18.** Khối máu đông trong sự đông máu bao gồm?

A. Tơ máu và các tế bào máu C. Bạch cầu và tơ máu

B. Huyết tương và các tế bào máu D. Tơ máu và hồng cầu

**19.** Đặc điểm cấu tạo của bạch cầu là?

A. Có nhân và không có màu C. Có hình đĩa và hai mặt lõm

B. Có màu đỏ và có nhân D. Không có nhân và có màu đỏ

**20.** Ở động mạch, máu được vận chuyển nhờ?

A. Sự co bóp của các cơ bắp quanh thành mạch và sức đẩy của tim.

B. Sức đẩy của tim và sự co giãn của động mạch.

C. Sức hút của tâm nhĩ và sự co dãn của động mạch.

D. Sức hút của lồng ngực khi hít vào và sức đẩy của tim.

**21.** Chức năng của bạch cầu là?

A. Bảo vệ cơ thể.

B. Tạo ra quá trình đông máu.

C. Vận chuyển khí cacbonic từ các tế bào về tim.

D. Vận chuyển khí ôxi đến cho các tế bào.

**22.** Loại tế bào máu làm nhiệm vụ vận chuyển O2 và CO2 là?

A. Bạch cầu C. Hồng cầu và tiểu cầu

B. Tiểu cầu D. Hồng cầu

**23**. Đặc điểm của mao mạch là?

A. Những mạch của phần cơ thể dưới tim có thêm van hình tổ chim.

B. Thành mỏng, chỉ có một lớp tế bào biểu bì.

C. Mạch nhỏ, có số lượng cơ trơn nhiều hơn sợi đàn hồi nên có tính co rút.

D. Thành mạch có 3 lớp, lớp cơ và sợi đàn hồi mỏng.

**24.** Chức năng của enzim tiểu cầu là?

A. Tập trung các tế bào máu thành cục.

B. Tập trung các tế bào máu thành cục và làm đông đặc huyết tương.

C. Làm đông đặc huyết tương để đông máu.

D. Làm biến đổi chất sinh tơ máu trong huyết tương thành tơ máu.

**25.** Ngăn tim có thành cơ mỏng nhất là?

A. Tâm nhĩ phải C. Tâm thất phải

B. Tâm nhĩ trái D. Tâm thất trái

**26**. Mạch đổ máu trực tiếp vào tâm nhĩ phải của tim là?

A. Động mạch phổi C. Tĩnh mạch chủ trên và tĩnh mạch phổi

B. Động mạch chủ D. Tĩnh mạch chủ trên và tĩnh mạch chủ dưới

**27**. Những tĩnh mạch ở phần cơ thể dưới có thêm van hình tổ chim có tác dụng gì?

A. Giúp máu vận chuyển từ cơ quan phía dưới về tim được dễ dàng

B. Dẫn máu từ tim đến các cơ quan với vận tốc cao, áp lực lớn

C. Điều hòa lượng máu đến từng cơ quan

D. Dẫn máu từ các tế bào của cơ thể về tim với vận tốc và áp lực nhỏ

**28.** Máu mà trong huyết tương không chứa kháng thể thuộc nhóm nào?

A. Nhóm máu O C. Nhóm máu AB

B. Nhóm máu A D. Nhóm máu B

**29.** Loại tế bào máu không có nhân là?

A. Hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu C. Tiểu cầu và hồng cầu

B. Tiểu cầu và bạch cầu D. Hồng cầu và bạch cầu

**30.** Ngăn tim tạo ra công lớn nhất là?

A. Tâm nhĩ trái C. Tâm thất trái

B. Tâm nhĩ phải D. Tâm thất phải

**Đáp án đề kiểm tra giữa học kì 1 Sinh học 8 - Đề 9**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **D** | **B** | **D** | **B** | **D** | **D** | **C** | **D** | **C** | **D** |
| 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| **A** | **C** | **A** | **B** | **C** | **B** | **B** | **C** | **A** | **B** |
| 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| **A** | **D** | **B** | **D** | **A** | **D** | **A** | **C** | **C** | **C** |

**Đề 10:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 45 phút

**Câu 1**(2.0 điểm)

Khi truyền máu cần tuân thủ những nguyên tắc nào? Giải thích vì sao máu O lại có thể truyền được cho tất cả các nhóm máu khác, máu AB lại có thể nhận được tất cả các nhóm máu?

**Câu 2**(3.0 điểm)

Những đặc điểm cấu tạo nào của các cơ quan trong đường dẫn khí có tác dụng bảo vệ phổi tránh khỏi các tác nhân có hại? Vì sao khi lao động hay đi ra ngoài đường cần phải đeo khẩu trang?

**Câu 3**(2.0 điểm)

a. Với một khẩu phần ăn có đầy đủ các chất và sự tiêu hóa diễn ra có hiệu quả thì thành phần các chất dinh dưỡng sau tiêu hóa ở ruột non là gì?

b. Một người bị triệu chứng thiếu axit trong dạ dày thì sự tiêu hóa ở ruột non có thể thế nào?

**Câu 4**(3.0 điểm)

Công cơ là gì? Công cơ được sử dụng vào mục đích gì? Hãy giải thích nguyên nhân của sự mỏi cơ. Ý nghĩa của việc luyện tập cơ. Biện pháp luyện tập cơ?

**Đáp án đề kiểm tra giữa học kì 1 Sinh học 8 - Đề 10**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** |
| **Câu 1** | \* Khi truyền máu cần tuân thủ những nguyên tắc sau:  - Xét nghiệm nhóm máu  - Kiểm tra mầm bệnh của máu người cho.  \* Máu O là máu có thể cho được tất cả các nhóm máu khác: Máu O không chứa kháng nguyên trong hồng cầu. Vì vậy khi truyền cho máu khác, không bị kháng thể trong huyết tương của máu người nhận gây dính.  \* Máu AB lại có thể nhậnđược tất cả các nhóm máu: Máu AB có chứa cả kháng nguyên A và B trong hồng cầu, nhưng trong huyết tương không có kháng thể, do vậy máu AB không có khả năng gây kết dính hồng cầu lạ. Vì vậy máu AB có thể nhận bất kì nhóm máu nào truyền cho nó. |
| **Câu 2** | - Lông mũi giữ lại các hạt bụi lớn, lớp lông rung quét hạt bụi nhỏ ra khỏi khí quản;  - Chất nhày do niêm mạc mũi, khí quản tiết ra giữ lại các hạt bụi nhỏ;  - Nắp thanh quản: Đậy kín đường hô hấp cho thức ăn khỏi lọt vào khi nuốt  - Các tế bào limphô ở các hạch Amiđan, V-A tiết ra kháng thể để vô hiệu hóa các tác nhân gây nhiễm.  \* Khi lao động vệ sinh hay đi ra ngoài đường nên đeo khẩu trang vì: Mật độ khói, bụi trên đường quá nhiều, vượt quá khả năng làm sạch của đường dẫn khí của hệ hô hấp. Có thể gây bệnh về đường hô hấp, gây bệnh bụi phổi. |
| **Câu 3** | a. Với một khẩu phần ăn có đầy đủ các chất và sự tiêu hóa diễn ra có hiệu quả thì thành phần các chất dinh dưỡng sau tiêu hóa ở ruột non là :  Đường đơn (glucozo), axit amin, axit béo, glixerin, nucleotit, các loại vitamin, các loại muối khoáng.  b. Một người bị triệu chứng thiếu axit trong dạ dày thì sự tiêu hóa ở ruột non có thể diễn ra như sau:  - Môn vị thiếu tín hiệu đóng nên thức ăn sẽ qua môn vị xuống ruột non liên tục và nhanh hơn, thức ăn sẽ không đủ thời gian ngấm đều dịch tiêu hóa của ruột non nên hiệu quả tiêu hóa sẽ thấp.  - Nếu thiếu axit HCl trong dạ dày thì pepsinogen sẽ không được hoạt hóa để trở thành enzim pepsin – dạng hoạt động nên thức ăn bản chất protein trong dạ dày sẽ không được biến đổi về mặt hóa học dẫn đến tiêu hóa ở ruột non sẽ gặp khó khăn và kém hiệu quả hơn. |
| **Câu 4** | \* Công cơ: Khi cơ co tạo ra 1 lực tác động vào vật làm vật di chuyển, tức là sinh ra 1 công.  \* Mục đích của công cơ: Sử dụng vào hoạt động, lao động  \* Nguyên nhân của sự mỏi cơ:  - Lượng 02cung cấp cho cơ thể thiếu.  - Năng lượng cung cấp ít.  - Sản phẩm tạo ra là axít lactic tích tụ, đầu độc cơ-> cơ mỏi.  \* Biện pháp chống mỏi cơ:  - Hít thở sâu.  - Xoa bóp cơ, uống nước đường.  - Cần có thời gian lao động, học tập nghỉ ngơi hợp lý. |